Tuần:…..Tiết:…

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**A. ĐỌC**

**A 4. ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI**

**CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG**

**Thời gian thực hiện: … phút**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

***1.1.******Năng lực chung***

Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.

***1.2.******Năng lực đặc thù***

- Nhận biết một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật không gian, thời gian.

***2. Phẩm chất***

- Biết yêu thương bạn bè, người thân.

* Biết ứng xử đúng mực, văn minh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**a. Thiết bị dạy học**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

**b. Học liệu:** Ngữ liệu đọc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU (HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà)** | | |
| 1. ***Mục tiêu:***   - Tóm tắt được truyện.  - Nhận biết một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật không gian, thời gian.  - Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống.  - Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.  ***b.Nội dung:*** HS thực hiện phiếu học tập.   |  | | --- | | PHIẾU HỌC TẬP 1  *Tóm tắt truyện*  *……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….* |  |  |  | | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP 2 | | | Các yếu tố cần xem xét | **Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng** | | Đề tài |  | | Sự kiện, tình huống |  | | Cốt truyện |  | | Nhân vật |  | | Không gian, thời gian |  |   **c. Sản phẩm:** Phiếu học tập  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện nhiệm vụ học tập & báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| HS hoàn thành phiếu học tập và nộp trước vào nhóm quản lý học tập của lớp | **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  HS nộp bài thông qua hệ thống quản lí học tập của lớp. | - GV theo dõi từ xa, hỏi thăm quá trình làm bài có gì khó khăn để kịp thời hỗ trợ.  - GV xem xét sản phẩm của HS, phát hiện, chọn ra những bài có kết quả khác nhau và những tình huống cần đưa ra trao đổi trong nhóm học tập. |
| **HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**  **( Học sinh thực hiện nhiệm vụ trên nhóm quản lý học tập của lớp)** | | |
| **Tìm hiểu** một số yếu tố của truyện ngụ ngôn | | |
| **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết một số yếu tố của truyện ngụ ngôn như: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật không gian, thời gian.  **b. Nội dung:**  (1) HS hoàn thành phiếu học tập và gửi lên nhóm học tập của lớp.  (2) Đánh giá sản phẩm học tập của bạn trên nhóm học tập của lớp.  **c. Sản phẩm:**  Phiếu học tập.  **d. Tổ chức thực hiện:** | | |
| **Giao nhiệm vụ học tập** | **Thực hiện nhiệm vụ học tập & báo cáo, thảo luận** | **Kết luận, nhận định** |
| 1. Hoàn thành phiếu học tập và gửi lên nhóm học tập của lớp.   (2) Đánh giá sản phẩm học tập của bạn trên nhóm học tập của lớp. | **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ (1)  - Sau khi hoàn thành nhiệm vụ (1) cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ (2).  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Nhiệm vụ (1): HS gửi phiếu học tập vào nhóm, HS khác trong tổ trao đổi, bổ sung (nếu có).  - Nhiệm vụ (2): Cá nhân hoàn chỉnh 2 phiếu học tập. | Nhận xét tinh thần trách nhiệm, sản phẩm học tập, kết quả thảo luận của HS trên nhóm học tập của lớp. |
| |  | | --- | | PHIẾU HỌC TẬP 1  *Tóm tắt truyện*  *Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay và bác Tai ghen tị với lão Miệng chỉ ăn mà không làm gì cả nên bàn nhau để mặc lão Miệng, không cho lão ăn gì cả. Sau đó, ba ngày trôi qua cả bọn đã thấy mệt mỏi rã rời, không ai làm nổi việc gì nữa. Đến ngày thứ bảy thì không ai còn chịu nổi. Bác Tai là người nhận ra sai lầm đầu tiên, bèn nói rõ phải trái, rủ cả bọn đến xin lỗi lão Miệng và lại cho lão ăn như xưa. Lão Miệng ăn xong, ai nấy đều khoẻ trở lại. Họ hiểu rằng lão Miệng tuy thế nhưng cũng có công việc của lão, một công việc rất quan trọng, liên quan đến tính mạng của cả bọn. Từ đó, lão Miệng, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay và bác Tai lại sống hoà thuận như xưa.* |  |  |  | | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP 2 | | | Các yếu tố cần xem xét | **Dấu hiệu nhận biết yếu tố của truyện ngụ ngôn trong Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng** | | Đề tài | Mượn chuyện về các bộ phận của con người để đưa ra bài học cho mọi người. | | Sự kiện, tình huống | - Cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay, bác Tai nói chuyện về lão Miệng và họ cho rằng lão không làm gì cả chỉ có ăn. Vì vậy, họ đồng lòng phản đối bằng cách bảo nhau không làm gì nữa để lão Miệng không có gì ăn.  - Khi lão Miệng không được ăn thì Mắt, Chân, Tay, Tai cũng mệt mỏi, rã rời. Cuối cùng họ cũng nhận ra sai lầm của mình và sửa chữa ngay lập tức bằng việc đến nhà lão Miệng để giải quyết mọi việc. | | Cốt truyện | Truyện kể về sự so bì giữa các bộ phận trong cơ thể con người. Mắt, Chân, Tay, Tai thấy mình quanh năm “làm việc mệt nhọc còn lão Miệng thì chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không”. Vì vậy, họ đồng lòng phản đối bằng cách bảo nhau không làm gì nữa để lão Miệng không có gì ăn. Nhưng Miệng không được ăn thì Mắt, Chân, Tay, Tai cũng mệt mỏi, rã rời. Cuối cùng họ cũng nhận ra công việc quan trọng của Miệng là nhai thức ăn để nuôi sống cơ thể. Thế là họ đến nhà Miệng, vực Miệng dậy, kiếm thức ăn để giúp Miệng dần tình lại. Từ đó, các bộ phận cơ thể người sống hòa thuận với nhau, mỗi người một việc, không ai tị ai cả. | | Nhân vật | Chân, Tay, Tai, Mắt và Miệng | | Không gian, thời gian | Không gian: trên cơ thể con người | | | |
| **HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**  **a. Mục tiêu:**  - Biết yêu thương bạn bè, người thân.   * Biết ứng xử đúng mực, văn minh.   **b. Nội dung:**  HS thảo luận nhóm  **c. Sản phẩm:**  câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện:**  **Thảo luận:** Sai lầm trong cách đối xử của các nhân vật Chân, Tay, Tai, Mắt đối với lão Miệng giúp em rút ra bài học gì?  *Gợi ý: Sai lầm trong cách đối xử của các nhân vật Chân, Tay, Tai, Mắt đối với lão Miệng giúp em rút ra bài học rằng trong một tập thể, mỗi thành viên không thể sống tách biệt mà phải nương tựa vào nhau, gắn bó với nhau để cùng tồn tại; do đó, phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.* | | |

**\* Hướng dẫn tự học:**



**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

*Thời lượng: 2 tiết*

* 1. **MỤC TIÊU**
     1. ***Năng lực***

**DẤU CHẤM LỬNG**

* + - 1. (Thời lượng: …tiết )***Năng lực đặc thù***

- Nhận biết được các công dụng của dấu chấm lửng.

* + - 1. ***Năng lực chung***
         * *Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; hoàn thành các bài tập trong sgk; tự đánh giá và đánh giá, tranh luận, phản biện qua các hoạt động nhóm.
         * *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: biết lựa chọn nội dung, ngôn từ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp, phát triển khả năng làm việc nhóm.
         * *Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.
    1. ***Phẩm chất:***

Yêu mến và trân trọng vẻ đẹp và sự phong phú, linh hoạt, uyển chuyển trong cách cách sử dụng từ ngữ, dấu câu trong Tiếng Việt.

* 1. **THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**a. Thiết bị dạy học**

* Máy tính, máy chiếu, SGK, SGV và các tài liệu tham khảo.
* Phiếu học tập.

|  |  |
| --- | --- |
| **Dấu câu** | **Dấu chấm lửng** |
| **ĐỊNH NGHĨA** |  |
| **CÔNG DỤNG** |  |

Bảng kiểm.

**b. Học liệu:**

* 1. **TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề/ hình thành tri thức tiếng Việt** *(... phút)*

* + 1. **Mục tiêu**

Gợi nhắc nội dung phần tri thức tiếng Việt

Tạo hứng khởi cho cho sinh trước khi vào bài mới.

**Tổ chức thực hiệnB1. Chuyển giao nhiệm vụ**

GV cho hs đọc phần tri thức TV trong sgk tr. 32, 33. (Thực hành ở nhà)

* Gv tổ chức cho hs chơi trò chơi **Ai nhanh hơn**, hs nối dữ liệu ở cột A với đáp án có ở cột B sao cho hợp lí.

|  |  |
| --- | --- |
| **A.** | **B** |
| **a.** *Hôm nay nó không đi học đâu. Nó bận… bận ngủ.* | **1. Biểu đạt còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp dấu phẩy đứng trước nó.** |
| **b.**  u… ù…ù  Tầm một lượt  (Võ Huy Tâm) | **2. Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.** |
| **c.** *Ô hay, có điều gì bố con trong nhà bảo nhau chứ sao lại…*  ( Đào Vũ) | **3. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện bất ngờ của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.** |
| **d.** Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,…  (Hồ Chí Minh) | **4. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.** |
| **e.** Văn chương gây cho ta những tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có (…).  (Hoài Thanh | **5. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.** |
| **Đáp án: a- 3; b- 5; c- 2; d- 1; e- 4** | |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

Hs xem lại phần tri thức tiếng Việt, đọc kĩ bài tập và hoàn thiện trên PHT

**B3: Báo cáo, thảo luận**

Hs trả lời, chia sẻ những điều mình thu nhận được sau khi đọc xong phần tri thức tiếng Việt và chia sẻ với cả lớp. nhận xét, đánh giá phần chia sẻ của bạn

**B4: Kết luận, nhận định**

* Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **Dấu câu** | **Dấu chấm lửng** |
| **ĐỊNH NGHĨA** | **Dấu cấm lửng được kí hiệu bởi dấu ba chấm (…), còn gọi là dấu ba chấm, là một trong những loại dấu câu thường gặp trong văn viết.** |
| **CÔNG DỤNG** | **1. Biểu đạt còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp dấu phẩy đứng trước nó.**  **2. Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.**  **3. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện bất ngờ của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm.**  **4. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.**  **5. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.** |

Gv nhận xét câu trả lời của hs và cho học sinh làm các bài tập trong phần thực hành Tiếng Việt.

**HĐ 2: Luyện tập, vận dụng** *(… phút)*

|  |
| --- |
| **I. BÀI TẬP LUYỆN TẬP** |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Vận dụng tri thức Tiếng Việt để thực hành làm các bài tập trong sgk tr 41, 42, 43  **d. Tổ chức thực hiện** |
| **1. Bài tập 1, 2, 4** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV tổ chức trò chơi Tiếp sức. Thực hiện chia lớp thành 3 đội, các thành viên đọc kĩ thông tin bài tập và thực hiện dán thông tin lên bảng phụ.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  **Hs** thực hiện theo nhiệm vụ đã phân công  **B3. Báo cáo thảo luận**  Đại diện các nhóm sẽ chia sẻ trước lớp sản phẩm của mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và góp ý.  *Thời lượng thực hiện: ... phút*  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét phần chia sẻ của học sinh.  **Bài tập 1, 2, 4: vd**   |  |  | | --- | --- | | Dấu chấm lửng | Trường hợp | | 1. Biểu đạt còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết khi kết hợp dấu phẩy đứng trước nó. | **1.a; 1.b; 1.d; 2.b;** | | 2. Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng. | **1.c; 1.e; 2.a**  **4.a** Có con quạ chết đến rũ xương... | | 3. Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện bất ngờ của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. |  | | 4. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. | **4.a** nó vào chuồng lợn [...] **; 4.b** | | 5. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng. | **1.đ;** |  1. **Bài tập 3, 5**   **Bài tập 3:**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | a₁ | a₂ | b₁ | b₂ | | Điểm tương đồng | Nói về sự kiêu ngạo, huênh hoang của chú ếch. | | Nói về sự thật hiển nhiên của bầu trời. | | | Khác biệt | Cách diễn đạt trần thuật liền mạch | Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung châm biếm về sự ảo tưởng của ếch, khi coi mình là “chúa tể”. | Cách diễn đạt trần thuật liền mạch. | Dấu chấm lửng làm giãn nhịp câu văn, tạo nên sự bất ngờ, gây hứng thú cho người đọc về một sự thật hiển nhiên “bầu trời vẫn là bầu trời”. |     GỢI Ý: Em thích cách diễn đạt a₂ và b₂ hơn vì sự xuất hiện của dấu chấm lửng tạo ra được nhịp điệu cho câu văn, gây sự tò mò, hứng thú cho người đọc về sự xuất hiện nội dung phía sau. Và khi nội dung sau dấm chấm lửng xuất hiện tạo ra tiếng cười châm biếm, gây bất ngờ cho người đọc.  **Bài tập 5:**  a. Dấu chấm lửng đầu tiên: biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.  b. Dấu chấm lửng thứ nhất: “cực...cực” Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng của con gà trống.  - Dấu chấm lửng thứ 2: “mặc, mặc,...”: Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng của con vịt.  - Dấu chấm lửng thứ 3: biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.  \*So sánh   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Bài tập 5** | **Bài tập 4** | | **Giống nhau** | Tác dụng của dấu chấm lửng ở cả hai bài đều để biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt. | | | **Khác nhau** | -Lời trích dẫn bị lược bớt ở đây là cả một đoạn văn.  -Dấu chấm lửng được tách thành hẳn một dòng riêng. | -Lời trích dẫn bị lược bớt chỉ là một từ hoặc một câu văn.  -Dấu chấm lửng ở trên cùng một dòng với câu văn. | |

**Những vấn đề cần lưu ý**

.........................................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................................

.........................................................................................................................................................................



**ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM:**

**BIẾT NGƯỜI, BIẾT TA**

**a. Mục tiêu:**

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu văn bản.

- Liên hệ kết nối với VB Những cái nhìn hạn hẹp, Những tình huống hiểm nghèo để hiểu hơn về chủ điểm Bài học cuộc sống.

-Yêu thương bạn bè, người thân; biết ứng xử đúng mực, nhân văn.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Nội dung dự đoán về nội dung của VB; câu trả lời cho các câu hỏi 1,2,3 trong SGK/tr.41.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Hoạt động 1.1: I/ Chuẩn bị đọc**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu cặp đôi HS đọc tên VB, quan sát nhanh toàn bộ VB và dự đoán:  *1. Em hãy đoán xem văn bản này viết về nội dung gì?*  *2. Nêu hiểu biết của em về thể loại ca dao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe, quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận  - GV quan sát, lắng nghe, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV góp ý cho câu trả lời của HS, khuyến khích HS đưa ra nhiều câu trả lời khác nhau miễn là việc dự đoán dựa trên sự kết hợp giữa cứ liệu của văn bản với kiến thức nền của HS. | - HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân  - Ca dao là lời thơ trữ tình dân gian, thường có sự kết hợp với âm nhạc khi diễn xướng, được sáng tác nhằm diễn tả thế giới nội tâm của con người.  - Diễn tả đời sống tinh thần, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các quan hệ đôi lứa, gia đình, quê hương, đất nước… |

**Hoạt động 1.2: II/ Trải nghiệm cùng văn bản, suy ngẫm và phản hồi.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu nhóm 4-6 HS đọc kĩ VB, trả lời các câu hỏi 1,2,3 trong SGK/tr.41.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Nhóm 4-6 HS thực hiện nhiệm vụ học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Đại diện 1-2 nhóm HS trả lời lần lượt từng câu hỏi. Các nhóm khác góp ý, bổ sung, trao đổi theo từng câu hỏi.  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | - HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi theo dõi, suy luận:  + Câu 1/SGK.tr41:  \*BPTT: Ẩn dụ  **“châu chấu”, “con sắt”**: chỉ những kẻ yếu  **“xe”, “ông Đùng”**: chỉ những kẻ mạnh  🡪Tăng tính hàm súc cho hình ảnh thơ; tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  \*BPTT: Nói quá  **“Châu chấu đá xe”, “con sắt đập ngã ông Đùng”:** chỉ những con vật nhỏ bé dám chống lại kẻ mạnh.  **“Tưởng rằng … nghiêng”:** kẻ yếu chiến thắng kẻ lớn mạnh.  **“Đắp … tay”:** nhấn mạnh sự to lớn của bàn tay.  🡪Phóng đại tính chất của sự việc nhằm tăng sức biểu cảm, nhấn mạnh vấn đề và gây ấn tượng mạnh cho người đọc.  \*BPTT: Nhân hóa (CD3)  “khoe”: miêu tả hành động của trăng và đèn như của con người..  🡪Tăng tính sinh động, hấp dẫn cho hình ảnh thơ. Đồng thời phê phán những kẻ thích khoe khoang mà không biết khuyết điểm của mình.  + Câu 2: Bài học: Kẻ yếu có thể chiến thắng được kẻ mạnh nếu như họ dám đương đầu. Khi đứng về lẽ phải dù có là kẻ yếu thì vẫn chiến thắng những kẻ mạnh; Không phải cứ lấy số đông là có thể áp đảo được những điều nhỏ bé, yếu đuối; Mỗi người đều có thế mạnh và điểm yếu riêng. Chúng ta không nên tự kiêu, coi thường người khác.  + Câu 3:  ***Điểm giống nhau:*** Truyện ngụ ngôn và những bài ca dao trên đều giàu tính triết lí, các bài học thường được gợi ra từ một tình huống, một sự việc nào đó.  ***Điểm khác nhau:***  Truyện ngụ ngôn dù ngắn gọn vẫn có đầu có cuối, có sự phát triển của sự việc, câu chuyện, thái độ của người nói thường được bộc lộ gián tiếp thông qua việc kể chuyện.  Các VB 1,2 dù có đủ tình huống, sự việc tuy nhiên vẫn bộc lộ thái độ và quan điểm của tác giả. |

|  |  |
| --- | --- |
| **III. LUYỆN TẬP** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Củng cố, vận dụng những kiến thức đã học  **b. Nội dung**  - Gv đưa ra đề bài | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv đưa ra nhiệm vụ: Mỗi bạn sẽ tự vẽ lại một bức tranh ( đã chuẩn bị sẵn ) với chủ đề “ Những tình huống hiểm nghèo” và đưa ra thông điệp của bức tranh đó.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs chuẩn bị  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS nhận xét  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS. | - Các bức tranh và thông điệp của học sinh. |

|  |  |
| --- | --- |
| **IV. VẬN DỤNG VÀ HƯỚNG DẪN HỌC BÀI Ở NHÀ** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Củng cố, vận dụng những kiến thức đã học để viết đoạn văn hoàn chỉnh.  - Hướng dẫn học sinh tự học bài ở nhà.  **b. Nội dung**  - Gv sử dụng câu hỏi gợi mở, nhắc lại tri thức | |
| **c. Tổ chức thực hiện** | **d. Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn từ 10 đến 12 câu nêu cảm nhận của em sau khi học xong văn bản “Biết người biết ta”.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  Hs suy nghĩ làm việc cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** báo cáo kết quả làm việc cá nhân, HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn  **GV** hướng dẫn và yêu cầu HS trình bày, nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS  - Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà.  + Vẽ sơ đồ tư duy về các kiến thức đã học trong bài bản “Biết người biết ta”.  + Đọc và chuẩn bị phần Thực hành Tiếng Việt. | **-** Về hình thức:1 đoạn văn, đúng nội dung yêu cầu  - Nội dung:  + Câu mở đoạn , giới thiệu tên văn bản, tác giả  + Ghi lại những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân  + Chi tiết nào để lại ấn tượng nhất? Vì sao ?  + Kết đoạn |

**HOẠT ĐỘNG VIẾT**

**VIẾT ĐOẠN VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài học này, HS có thể:

**1. Năng lực**

- Biết viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

**2. Phẩm chất:**

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những nhiệm vụ của bản thân trong học tập.

**II. KIẾN THỨC**

- Cách viết bài văn đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập dữ liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem và chỉnh sửa rút kinh nghiệm.

- Cách viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử; bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả.

**III. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *Nhân vật, sự kiện nào khiến em có ấn tượng sâu sắc nhất? Em hãy chia sẻ ấn tượng của em về nhân vật, sự kiện đó?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài | - Hs chia sẻ ý kiến |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**\*Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức về bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được khái niệm, yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *GV yêu cầu HS, dựa vào SGK nêu khái niệm và yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | **I. Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**  - Bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử là kiểu văn bản thuật lại một sự việc có thật nhằm giúp người đọc hiểu về sự việc, qua đó hiểu về nhân vật/ sự kiện lịch sử có liên quan.  - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của bài văn.  - Cấu trúc gồm có ba phần:  + Mở bài: giới thiệu sự việc có thật liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.  + Thân bài: thuật lại quá trình diễn biến của sự việc, chỉ ra mối liên quan giữa sự việc với nhân vật/ sự kiện lịch sử; kết hợp kể chuyện với miêu tả.  + Kết bài: khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết.  - Sự kiến: Sự việc được kể lại trong văn bản là có thật và liên quan đến nhân vật/ sự kiện lịch sử.  - Ngôi kể: Sử dụng ngôi thứ nhất (xưng “tôi”) thuật lại sự việc theo một trình tự hợp lí.  - Nội dung:  + Sử dụng chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc, nhân vật/ sự kiện.  + Sử dụng yếu tố miêu tả trong bài viết.  + Kết hợp kể chuyện với miêu tả một cách hợp lí, tự nhiên. |

**\*Hoạt động 2: Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết các yêu cầu về kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích VB mẫu.

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm đôi, phân tích ví dụ

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài mẫu  *Gv phát PHT số 1, học sinh làm nhóm đôi*  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | **II. Phân tích kiểu văn bản**  Câu 1: Giới thiệu không gian, thời gian diễn ra sự việc “lễ hội tưởng nhớ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực.  Câu 2:  (2a) Giới thiệu nhân vật lịch sử - anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực.  (2b) Kể lại sự việc nhằm gợi nhớ hình ảnh, công trạng của nhân vật lịch sử.  (2c) Kể lại những chiến công của anh hùng Nguyễn Trung Trực.  (2d) Kể về sự việc (các hoạt động trong phần hội), thể hiện tác động của sự việc liên quan đến nhân vật lịch sử đối với người dân.  Câu 3: Người viết đã sử dụng các yếu tố miêu tả khi thuật lại sự kiện.  Câu 4: Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của sự việc, nêu cảm nhận của người viết. |

**\*Hoạt động 3: Hướng dẫn quy trình viết**

**Hoạt động 3.1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:**

- Kích hoạt được kiến thức nền cho HS về quy trình viết;

- Ghi nhớ các bước trong quy trình viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để và PHT để học sinh tìm hiểu về quy trình viết

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS nhắc lại bốn bước trong quy trình viết một VB.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | ***1. Chuẩn bị trước khi viết.***  ***2. Tìm ý, lập dàn ý***  ***3. Viết đoạn.***  ***4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*** |

**Hoạt động 3.2: Quy trình viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ quy trình viết các bước trong bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để và PHT để học sinh tìm hiểu về quy trình viết

**c. Sản phẩm học tập:** Bảng tóm tắt của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Nhóm 4-5 HS thảo luận và điền thông tin vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ. | | | Qui trình viết | Thao tác cần làm | | **Bước 1: *Chuẩn bị trước khi viết.*** |  | |  | |  | | **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** |  | |  | | **Bước 3: Viết bài văn** |  | | **Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** |  |   -GV nhắc nhở HS khi làm việc nhóm cần chủ động đề xuất rõ mục đích hợp tác và nỗ lực đạt được mục đích đó.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét quá trình làm việc nhóm của HS thông qua việc quan sát. | ***1. Chuẩn bị trước khi viết.***  \* Xác định đề tài:  \* Thu thập tư liệu.  ***2. Tìm ý, lập dàn ý***  ***\* Tìm ý:***  - Xác định một số định hướng chung như:  +Mối quan hệ giữa sự việc có thật và nhân vật/ sự kiện lịch sử liên quan qua các tư liệu, bằng chứng;  + Phối hợp sử dụng các loại tư liệu từ nhiều nguồn khác nhau, sử dụng tranh ảnh về nhân vật hoặc hiện vật liên quan đến sự kiện/ nhân vật; …  +Ghi lại bất cứ ý tưởng nào nảy sinh trong quá trình thu thập tài liệu và tìm ý cho bài viết.  **\* Lập dàn ý:**  ***a. Mở bài:***  -Nêu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử mà văn bản sẽ thuật lại.  -Nêu lí do hay hoàn cảnh người viết thu thập tư liệu liên quan.  ***b. Thân bài:***  \*Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện.  - Câu chuyện, huyền thoại liên quan.  - Dấu tích liên quan.  \*Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.  - Bắt đầu, diễn biến, kết thúc.  - Sử dụng được một số bằng chứng; kết hợp kể chuyện với miêu tả.  \*Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật/ sự kiện lịch sử.  ***c. Kết bài:*** Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về sự việc.  ***3. Viết bài.***        Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử  ***4. Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.***  Dựa vào bảng kiểm để kiểm tra, chỉnh sửa |

**C/ HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ**

**\*Hoạt động 1: Chuẩn bị trước khi viết**

**Hoạt động 1.1: Xác định mục đích, đối tượng và đề tài**

**a. Mục tiêu:** Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài của bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu về mục đích, đối tượng và đề tài

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  GV nêu đề bài: *Em hãy viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.* Sau đó, yêu cầu học sinh xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết của mình qua các câu hỏi:  + Mục đích viết bài này là gì?  + Người đọc bài viết này là ai?  + Với mục đích và người đọc đó, nội dung và cách viết sẽ như thế nào?  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét | ***1.1 Chuẩn bị trước khi viết.***  **\* Xác định đề tài:**  - Đề bài yêu cầu bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.  \* Mục đích: Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  \* Đối tượng: người đọc là những người quan tâm đến các sự kiện lịch sử. |

**Hoạt động 1.2: Tìm ý, lập dàn ý và viết bài (có thể thực hiện ở nhà)**

**a. Mục tiêu:** Biết tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu về mục đích, đối tượng và đề tài

**c. Sản phẩm học tập:** PHT, câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  (1) **\*Tìm ý**  *+ Vì sao em có ấn tượng đặc biệt với sự kiện đó*  *+ Không gian và thời gian diễn ra sự việc*  *+ Diễn biến của sự việc*  *+ Các dấu tích, hiện vật có liên quan đến sự kiện, nhân vật*  *+Các nhân chứng, dẫn liệu có thể trích dẫn*  *+ Viết nhanh dưới dạng cụm từ thể hiện những ý tưởng trên.*  **\*Lập dàn ý.**  - Gv phát **PHT số 2** để học sinh lập dàn ý  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  (2) HS sẽ viết bài văn dựa trên dàn ý (thực hiện cá nhân)  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Trước tiên, GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV qui định.  - Ở hoạt động này, GV chưa nên đánh giá, nhận xét công khai trước lớp về sản phẩm bài viết của HS. Việc này nên thực hiện sau khi tổ chức cho HS tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và tự chỉnh sửa bài viết của mình. | ***1.2. Tìm ý, lập dàn ý***  **\* Tìm ý:**  Hs tìm ý cho bài viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  **\* Lập dàn ý:**  Theo PHT  ***1.3 Viết đoạn*** |

**\*Hoạt động 2: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**

**Hoạt động 2.1: Xem lại, chỉnh sửa**

**a. Mục tiêu:** Biết cách chỉnh sửa bài viết của bản thân và của các bạn khác trong lớp.

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh tìm hiểu về mục đích, đối tượng và đề tài

**c. Sản phẩm học tập:** Phần nhận xét, đánh giá của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hai HS trao đổi bài viết cho nhau đọc và dựa vào bảng kiểm SGK để đánh giá, nhận xét bài viết của bạn.  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi bài viết cho nhau đọc và dựa vào bảng kiểm SGK  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đo các HS khác chia sẻ nhận xét về bài viết của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét trên hai phương diện:  + Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết.  + Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS. | -HS báo cáo kết quả nhận xét bài làm của bạn |

**Hoạt động 2.2: Rút kinh nghiệm**

**a. Mục tiêu:** Rút kinh nghiệm khi viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

**b. Nội dung:** Gv gợi mở để học sinh rút kinh nghiệm về bài viết.

**c. Sản phẩm học tập:** Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Yêu cầu HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  GV mời 1-2 HS chia sẻ kinh nghiệm mà mình rút ra được.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét, đánh giá, chốt ý. | HS rút ra kinh nghiệm cho bản thân sau khi viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***PHT số 1*** | | |
| *Ngữ liệu* |  | *Câu hỏi* |
| *Tháng 9 vừa qua, trong chuyến hành trình Về nguồn, lớp mình có dịp về thành phố Rạch Giá (Kiên Giang) dự lễ hội tưởng nhớ Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực. Đây là lễ hội thường niên, từ ngày 26 đến 28 tháng 8 âm lịch. Trong dịp này, hàng nghìn người từ khắp nơi về viếng đền, tưởng nhớ ông, tham gia các hoạt động văn hóa trong lễ hội.*  *Tôi được biết về những chiến công đánh giặc cứu nước của anh hùng Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân qua lời kể của cô giáo dạy Lịch sử. Câu nói nổi tiếng của ông khi bị địch bắt và xử tử: “Bao giờ người miền Tây nhổ hết cỏ lùng thì người miền Nam đánh Tây” khiến tôi háo hức mong chờ chuyến đi này.*  *Khi đứng trước ngôi đền của anh, tôi trào dâng một niềm xúc động và tự hào. Ngôi chùa nằm bên dòng sông hiền hòa ngay sát cửa biển và mát rượi dưới bóng cây bồ đề cổ thụ. Nơi đây là một trong chín ngôi chùa có lịch sử lâu đời và quy mô lớn nhất tỉnh Kiên Giang. Tượng Nguyễn Trung Trực được đúc bằng đồng đặt ở sân đình. Bức tượng mang phong thái bất khuất của người anh hùng. Từ sáng sớm, dòng người đổ về thắp hương, dâng lễ tưởng nhớ tổ tiên. Trên bàn thờ, các lễ vật được bày biện khá đẹp mắt. Những đĩa trái cây, sản vật miệt vườn sông nước được tạo hình rồng phượng, những linh vật mang lại những điều tốt lành. Mùi hương thoang thoảng trong không khí. Các bậc cao niên mặc áo dài khăn đóng đứng hai bên tả, hữu tiến hành nghi lễ theo nhịp trống.*  *Trong không khí trang nghiêm, diễn văn tưởng niệm của Ban tổ chức đã gợi lên hình ảnh người anh hùng Nguyễn Trung Trực thật gần gũi mà anh dũng. Ông tên thật là Nguyễn Văn Lịch, lúc nhỏ còn có tên là Chơn. Ông là con thứ năm trong một gia đình làm nghề chài lưới ở Xóm Vẹm, làng Bình Nhất, phường Tân An, tỉnh Gia Định (nay thuộc ấp 1, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An). Ông vốn tính tình nghiêm túc, ngay thẳng, giàu bản lĩnh và tự trọng nên được mọi người yêu mến, gọi ông là Nguyễn Trung Trực. Là con của một người đánh cá rất giỏi, anh luyện võ từ nhỏ nên có sức khỏe dẻo dai, ý chí kiên cường. Khi Pháp đánh vào Gia Định, ông đã tham gia nghĩa quân và trở thành người đi đầu trong công cuộc đánh giặc cứu nước.*  *Nguyễn Trung Trực và nghĩa quân đã lập nhiều chiến công như đốt cháy chiến thuyền L'Espérance (L'Espérance) của thực dân Pháp ở cửa sông Nhựt Tảo ngày 10-12-1861; tiến công thành công đồn Kiên Giang ngày 16 tháng 6 năm 1868; ... Những trận đánh do ông chỉ huy đã làm quân địch bất ngờ. Chẳng hạn, trận đánh năm 1861, ông đã cho nghĩa quân cải trang thành đám cưới để phục kích, tấn công và đốt cháy chiến thuyền của giặc.*  *Sau phần lễ trọng thể, trang nghiêm là phần hội tưng bừng. Dự hội là dịp để nhân dân địa phương và du khách tưởng niệm người anh hừng, vừa gặp gỡ, giao lưu và thực hành các sinh hoạt văn hóa hay hoạt động thiện nguyện.*  *Nguyễn Trung Trực hy sinh khi mới 30 tuổi. Cuộc đời tuy ngắn ngủi nhưng lòng yêu nước, khí phách anh hùng, tinh thần cương trực, hào sảng của ông là bất diệt. Có lẽ vì vậy mà lễ hội giỗ Tổ hàng năm ở Rạch Giá (Kiên Giang) đã trở thành một trong những lễ hội truyền thống lớn của địa phương, luôn thu hút nhiều lứa tuổi, nhiều tầng lớp nhân dân và du khách tham dự.* |  | *+ Tìm những từ thể hiện cảm xúc cùa người viết về bài thơ.*  *…………………………………………*  *+ Tác giả đoạn văn đã sử dụng ngôi thứ mấy để chia sẻ cảm xúc?*  *…………………………………………*  *+ Những câu nào thuộc về phần mở đoạn? Vì sao em biết?*  *…………………………………………*  *…………………………………………*  *+ Những câu nào thuộc về phần thân đoạn? Phần này trình bày nội dung gì?*  *…………………………………………*  *…………………………………………*  *+ Hãy chỉ ra câu kết của đoạn văn và cho biết nội dung cùa nó.*  *…………………………………………..*  *……………………………………………*  *+ Tìm những từ ngữ được dùng theo kiểu lặp lại hoặc thay thể những từ ngữ tương đương ở những câu trước đó. Nêu tác dụng của* những từ ngữ đó?  …………………………………  ………………………………… |
| *Lưu ý: Các con có thể kết hợp giữa việc ghi chú vào ngữ liệu và viết vào chỗ….* | | |

**PHT số 2: Dàn ý viết bài văn**

Sự việc: ……………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………..

Lí do: ………………………………………………………………………..

…………………………………………………………………………………………………………………

Gợi lại bối cảnh, câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật, sự kiện………………………………………………………………………………………………………………………………………………

Bằng chứng ………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………….

Thuật lại nội dung/ diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử.…………………………………………………………

Ý nghĩa: .…………………………………………………………

Khẳng định ý nghĩa của sự việc:……………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………………….

Nêu cảm nhận của người viết về sự việc…………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………….

**PHT số 2: Dàn ý viết đoạn văn**

**Bảng kiểm**

**Bảng kiểm**

****

**C. NÓI VÀ NGHE**

**KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN**

**SỬ DỤNG VÀ THƯỞNG THỨC NHỮNG CÁCH NÓI THÚ VỊ, HÀI HƯỚC TRONG KHI NÓI VÀ NGHE**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Kể lại được truyện ngụ ngôn.

- Biết vận dụng và thưởng thức những cách nói thú vị trong khi nói và nghe.

**2. Về năng lực**

**\* Năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

**\* Năng lực đặc thù**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

**3. Về phẩm chất**

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với công việc được giao ở trường, ở lớp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Máy chiếu, bảng, phấn, bút lông.

- SGK, SGV.

- Đồ vật minh hoạ, đoạn video clip, tranh ảnh,... (nếu cần).

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

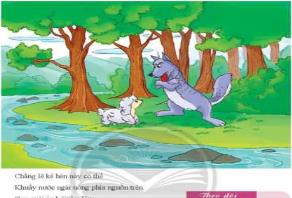
**1. HĐ 1: Xác định vấn đề (5’)**

**1. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**2. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

**3. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS

**4. Tổ chức thực hiện:**



B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV cho HS quan sát hình ảnh và đặt câu hỏi gợi mở vấn đề:

*Em đã từng kể lại chuyện ngụ ngôn cho người khác nghe chưa? Người nghe em kể là ai? Em đã kể chuyện đó theo cách thức như thế nào? Em nhận thấy người nghe có hiểu, có thích thú không?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Hs suy nghĩ

B3: Báo cáo, thảo luận

Hs chia sẻ, trả lời các câu hỏi

B4: Kết luận, nhận định (GV):

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Truyện ngụ ngôn luôn là thế giới đầy hấp dẫn với những câu chuyện đầy màu sắc, lung linh và huyền ảo. Vậy làm thế nào để chúng ta kể được câu chuyện đúng và hấp dẫn.

**2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới (114’)**

**Nhiệm vụ 1: Nói và nghe kể lại một truyện ngụ ngôn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI (15’)** | |
| **Mục tiêu:** - Trình bày được các yêu cầu của bài kể về một truyện ngụ ngôn..  Xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói.  Lập được dàn ý cho bài kể lại một truyện ngụ ngôn.  **Nội dung:** HS trả lời câu hỏi để xác định yêu cầu,  HS trả lời câu hỏi để xác định được đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  - Bài văn kể lại một truyện ngụ ngôn cần đảm bảo những yêu cầu gì?  – Khi luyện tập và trình bày bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn, em cần lưu ý điều gì?  – Em cần làm gì để bài nói của mình hấp dẫn, thu hút người nghe?  Trong bài học này, em sẽ thực hiện hoạt động nói và nghe gì?  *- Bài nói này nhằm mục đích gì?*  *- Người nghe có thể là ai*  *- Em sẽ trình bày bài nói ở đâu? Trong thời gian bao lâu?*  GV yêu cầu HS:   * Trình bày các bước xây dựng bài nói. * Lập dàn ý cho bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn. * Kiểm tra dàn ý bài nói để đáp ứng yêu cầu:   - Câu chuyện cần có đủ 3 phần: giới thiệu, nội dung và kết thúc; được kể từ ngôi thứ nhất.  – Câu chuyện giới thiệu rõ ràng (các) nhân vật, không gian, thời gian xảy ra; các sự việc được kể theo trình tự hợp lí; thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của mình đối với những sự việc, con người trong câu chuyện.  - Trình bày suy nghĩ, bài học rút ra từ câu chuyện.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  Cá nhân HS suy nghĩ câu trả lời.  B3: Báo cáo, thảo luận  - Đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi về yêu cầu của bài văn kể lại một truyện ngụ ngôn.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét câu trả lời của HS về yêu cầu của bài kể lại một truyện ngụ ngôn.  - GV nhận xét và nhắc lạị các bước xây dựng bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn. | ***I.* Nói và nghe**  ***1.* Yêu cầu chung**  - Dùng ngôi thứ nhất để kể.  - Sử dụng một trong những cách sau để bài nói thêm hấp dẫn:  + Sử dụng hình ảnh: vẽ bức tranh liên quan đến câu chuyện hoặc tóm tắt truyện bằng sơ đồ tư duy...  + Sử dụng âm thanh: dùng nhạc nền hoặc video clip minh hoạ cho bài nói.  + Sử dụng đồ vật, mô hình: cầm một đồ vật hoặc mô hình liên quan đến nội dung câu chuyện của em trong khi kể.  **2. Các bước tiến hành** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI (45’)** | |
| **Mục tiêu:**  Kể lại được một truyện ngụ ngôn.  **Nội dung:** Bài làm củaHS. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  GV yêu cầu HS:  - Trước tiên, luyện tập trong nhóm kể lại một truyện ngụ ngôn.  - Sau đó, cá nhân HS kể lại truyện ngụ ngôn trước lớp.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS luyện tập theo nhóm kể lại một truyện ngụ ngôn.  B3: Báo cáo, thảo luận  - 2 – 3 HS kể lại một truyện ngụ ngôn.  - Các HS khác lắng nghe và ghi chép, nêu câu hỏi (nếu có).  B4: Kết luận, nhận định  GV nhận xét ngắn gọn phần trình bày của các HS và đề nghị HS chuẩn bị cho hoạt động trao đổi, đánh giá, rút kinh nghiệm.  Lưu ý: Ở hoạt động này, GV chỉ nhận xét khái quát, ngắn gọn về mức độ và thái độ thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, còn các nhận xét, đánh giá chi tiết về từng bài trình bày của HS thì GV sẽ thực hiện sau khi HS thực hiện việc trao đổi, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau. | **3. Trình bày bài nói** |

|  |  |
| --- | --- |
| **SAU KHI NÓI (20’)** | |
| **Mục tiêu:** – Tự đánh giá được với tư cách người nói và đánh giá được bài nói của bạn với tư cách người nghe; rút ra được kinh nghiệm cho bản thân.  – Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.  **Nội dung:** Câu trả lời củaHS: Tự đánh giá và rút kinh nghiệm về bài của mình và của bạn. | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  (1) Trước tiên, GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và dùng bảng kiểm để tự đánh giá kĩ năng kể lại truyện ngụ ngôn (đối với những HS trình bày bài nói).  (2) Sau đó, GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm và dùng bằng kiểm đánh giá kĩ năng kể lại truyện ngụ ngôn của bạn với tư cách người nghe.  (3) Cuối cùng, GV yêu cầu tất cả HS suy ngẫm và rút kinh nghiệm từ hoạt động kể lại một truyện ngụ ngôn vừa thực hiện.  B2: Thực hiện nhiệm vụ  HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự: (1) > (2) – (3)  B3: Báo cáo, thảo luận  - Đối với nhiệm vụ (2), đại diện 2 – 3 HS trình bày kết quả nhận xét, đánh giá bài nói của bạn. HS được nhận xét có quyền trao đổi, giải thích thêm hoặc nếu thắc mắc cần được giải đáp với người nhận xét nếu muốn, cần đảm bảo cuộc trao đổi diễn ra nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng nhau.  – Đối với nhiệm vụ (3), 1 – 2 HS trình bày kinh nghiệm rút ra được từ việc thực hiện các nhiệm vụ học tập.  B4: Kết luận, nhận định  - GV nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của HS trên ba phương diện:  + Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần lưu ý, điều chỉnh về cách kế lại một truyện ngụ ngôn của HS.  + Cách nhận xét, đánh giá kĩ năng kể lại một truyện ngụ ngôn của HS: HS đã biết sử dụng những tiêu chí trong bảng kiểm để nhận xét, đánh giá chưa? HS có nhận ra những ưu điểm, những điểm cần khắc phục trong bài nói của bản thân và của các bạn hay không?...  + Cách HS lắng nghe và phản hồi với nhận xét, đánh giá của các HS khác trong lớp.  – GV giải đáp những gì HS thắc mắc (nếu có). | **4. Trao đổi về bài nói** |

**Nhiệm vụ 2: Sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị trong khi nói và nghe**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỬ DỤNG VÀ THƯỞNG THỨC NHỮNG CÁCH NÓI THÚ VỊ, HÀI HƯỚC TRONG KHI NÓI VÀ NGHE** | |
| **Mục tiêu:** biết sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước trong khi nói và nghe.  **Nội dung:** Tìm hiểu các cách nói thú vị, hài hước | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)  Gv yêu cầu học sinh đọc nội dung SGK . Từ đó hãy trình bày các cách nói thú vị, hài hước trong khi nói và nghe?  B2: Thực hiện nhiệm vụ  Hs đọc, suy nghĩ  B3: Báo cáo, thảo luận  Hs trả lời câu hỏi  B4: Kết luận, nhận định  Gv nhận xét, kết luận các cách nói thú vị trong khi nói và nghe. | **II. Sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị trong khi nói và nghe**  - Nhấn mạnh tính hài hước trong câu chuyện  - Sử dụng hình thức chế, nhại  - Sử dụng cách chơi chữ, nói quá, so sánh |

**3. HĐ 3: Luyện tập (16’)**

**a) Mục tiêu**

Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung**

Học sinh chơi trò chơi

**c) Sản phẩm**

Câu trả lời của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Gv giới thiệu trò chơi, hướng dẫn luật chơi

B2: Thực hiện nhiệm vụ

Học sinh chọn câu hỏi, chơi

B3: Báo cáo, thảo luận

Học sinh trả lời

B4: Kết luận, nhận định

Giáo viên nhận xét, đánh giá

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để thực hiện nhiệm vụ nói và nghe.

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập

**b) Nội dung**

Chọn một truyện ngụ ngôn rồi đóng kịch (phân vai).

**c) Sản phẩm:** Phần trình bày của học sinh

**d) Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Mỗi tổ là một đội (4 đội)

Chọn một truyện ngụ ngôn rồi đóng kịch (phân vai).

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện

B3: Báo cáo, thảo luận

Học sinh đóng kịch

B4: Kết luận, nhận định

HS dùng rubric để nhận xét lẫn nhau.

- GV nhận xét thái độ thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và sản phẩm của HS.

**ÔN TẬP**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY ÔN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài này, HS có thể:

Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học trong bài học để thực hiện các nhiệm vụ ôn tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tp của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *Vòng quay may mắn*

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Câu 1: Văn bản “Ếch ngồi đáy giếng” thuộc thể loại gì?*  *Câu 2: Sự đối lập giữa hai nhân vật chó sói và chiên con cho chúng ta suy nghĩ gì?*  *Câu 3: Tác gỉa của vản bản “Hai người bạn đồng hành và con gấu” là ai?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài | - HS trả lời các câu hỏi |

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- So sánh được các bài trong cùng chủ đề

- Nêu ra được bài học và cách ứng xử cá nhân sau khi học xong các văn bản và bài đã học.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Giao nhiệm vụ học tập:**

GV yêu cầu HS trả lời miệng các bài tập trong SGK. Các học sinh khác lắng nghe nhận xét, bổ sung, trao đổi.

**\*Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

**\*Báo cáo, thảo luận:**

4-5 HS trả lời miệng các bài tập.

**\*Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét và hướng dẫn HS kết luận theo các định hướng tham khảo trong SGV/tr.66-67, gợi ý như sau:

**Câu 1:** GV hướng dẫn HS dựa vào Tri thức Ngữ văn và những gì đã học được để trả lời ngắn gọn:

Dựa vào đâu để em khẳng định rằng: Ếch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi (VB 1, 2: Những cái nhìn hạn hẹp), Hai người bạn đồng hành và con gấu, Chó sói và chiên con (VB 3, 4: Những tình huống hiểm nghèo) đều là truyện ngụ ngôn?

Các văn bản nhân hóa loài vật hay con người để nói về một triết lý, phê phán thói hư tật xấu, nêu lên những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn cuộc sống để khuyên nhủ, răn dạy con người.

**Câu 2:** Hậu quả của cái nhìn hạn hẹp của con ếch và các ông thầy bói mù và bài học chung có thể rút ra từ hai truyện *Ếch ngồi đáy giếng* và *Thầy bói xem voi*: Sự trả giá bằng sinh mạng hoặc thương vong do mâu thuẫn xô xát, đánh nhau. Bài học về nhận thức bản thân, nhận thức thế giới và các sự vật, nắm bắt lẽ phải trong các tình huống của đời sống.

**Câu 3:** Trong những tình huống hiểm nghèo, hai “người bạn” trong truyện Hai người bạn đồng hành và con gấu; “chó sói” trong Chó sói và chiến con đã bộc lộ đặc điểm, tính cách của họ như thế nào? Các truyện này đã để lại trong em những ấn tượng gì thật sự khó quên?

*Hai người bạn đồng hành và con gấu:*

Tính cách người bỏ rơi bạn chạy tháo thân; ích kỉ, không đáng tin, tò mò,...; tính cách người bị bỏ rơi: hóm hỉnh.

Ấn tượng: về sự may mắn, về sự ích kỉ, về sự hóm hĩnh, về câu nói.

*Chó sói và chiên con:*

Xem lại bài học VB 3, 4.

Ấn tượng về một chú chiên con đáng thương; một gã chó sói tàn bạo bất chấp lẽ phải.

**Câu 4.**

a. HS dựa vào tri thức về kiểu bài SGK để trả lời những lưu ý khi viết một bài văn kể lại một sự việc liên quan đến nhân vật sự kiện lịch sử,

b. HS dựa vào bài viết của mình tìm câu văn phù hợp và thực hiện yêu cầu của câu hỏi (Tìm trong bài văn em mới viết một vài đoạn văn, câu văn mà theo em là nên dùng đấu chấm lừng, chỉnh sửa và đặt dấu chấm lưng sao cho phù hợp).

**Câu 5.** Lưu ý chuẩn bị và trình bày bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn:

a. Kể chuyện ngắn gọn hài hước giúp làm nổi bật bài học.

b. Vận dụng một số kĩ thuật và thường xuyên luyện tập để có thể sử dụng và thưởng thức những cách nói thú vị, dí dỏm trong khi nói và nghe.

**Câu 6.** HS dựa vào tri thức tiếng Việt và những gì đã thực hành để trả lời câu hỏi về đặc điểm chức năng của dấu chấm lửng và cách sử dụng loại dấu câu này trong khi viết văn.

**Câu 7.** Về thu hoạch được rút ra từ các tình huống, câu chuyện, nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

Sau khi HS trả lời về thu hoạch của mình. GV có thể gợi mở thêm:

* Đời sống có nhiều tình huống có nguy cơ dẫn đến sai lầm trong nhận thức, hành động, ứng xử; cần tỉnh táo cảnh giác để tránh sai lầm.
* Mỗi câu chuyện trong truyện ngụ ngôn hay lời khuyên trong ca dao tục ngữ, gắn với tình huống đều hàm chứa một bài học, khi đọc truyện, đọc VB cần nhận ra bài học ấy.
* Nhân vật trong truyện ngụ ngôn, khác với nhân vật loài vật trong truyện đồng thoại, thường là hiện thân của các ngộ nhận, hành động sai lầm mà người đọc cần tránh.

Ngoài các nội dung trên, trong tiết ôn tập này, GV cũng cần lưu ý nhắc nhở, kiểm tra việc thực hiện yêu cầu đọc mở rộng VB thông tin ở nhà của HS.

🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶🏶